

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA KINH TẾ



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ
MÃ NGÀNH: 8 34 04 10

*(Ban hành theo Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV, ngày 21/09/2017
của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)*

Nghệ An, 2017

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC CÁC BẢNG

PHẦN I. GIỚI THIỆU	1
1.1. Trường Đại học Vinh.....	1
1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển.....	1
1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục	1
1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ	2
1.2. Khoa Kinh tế.....	5
1.3. Ngành Quản lý kinh tế	6
PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	8
2.1. Thông tin chung.....	8
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	8
2.2.1. Mục tiêu tổng quát.....	8
2.2.2. Mục tiêu cụ thể	8
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	9
2.3.1. Chuẩn đầu ra.....	9
2.3.2. Đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	10
2.4. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp	11
2.5. Tuyển sinh.....	11
2.5.1. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh.....	11
2.5.2. Các môn thi tuyển.....	11
2.5.3. Ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế	12
2.5.4. Học bổ túc kiến thức.....	13
2.5.5. Đối tượng dự tuyển.....	13
2.5.6. Đối tượng và chính sách ưu tiên.....	14
2.5.7. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển	14
2.6. Điều kiện bảo vệ luận văn.....	14
2.7. Điều kiện tốt nghiệp.....	15
PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	16
3.1. Cấu trúc chương trình	16
3.2. Các học phần theo khối kiến thức.....	16
3.2.1. Các học phần chung	16
3.2.2. Các học phần cơ sở ngành.....	16
3.2.3. Các học phần chuyên ngành.....	17
3.2.4. Luận văn tốt nghiệp.....	18
3.2.5. Kế hoạch đào tạo	18
3.3. Mô tả học phần	19

3.3.1. Triết học.....	19
3.3.2. Tiếng Anh.....	19
3.3.3. Thống kê ứng dụng.....	19
3.3.4. Kinh tế vĩ mô nâng cao.....	20
3.3.5. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	20
3.3.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	20
3.3.7. Kinh tế quốc tế nâng cao	21
3.3.8. Kinh tế phát triển nâng cao.....	21
3.3.9. Kỹ năng quản lý.....	21
3.3.10. Quản lý nguồn nhân lực	22
3.3.11. Quản lý tài chính công.....	22
3.3.12. Quản lý chương trình và dự án công	22
3.3.13. Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu của thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI	23
3.3.14. Quản lý khủng hoảng	23
3.3.15. Quản lý tổ chức	23
3.3.16. Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	24
3.3.17. Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế.....	24
3.3.18. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	24
3.3.19. Lãnh đạo và quản lý	24
3.3.20. Đàm phán và quản lý xung đột.....	25
3.3.21. Quản lý sự thay đổi.....	25
3.3.22. Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam	25
3.3.23. Quản lý chiến lược	26
PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	27
4.1. Đội ngũ giảng viên.....	27
PHẦN V. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ	33
5.1. Giảng đường	33
5.2. Thư viện	33
5.3. Môi trường và cảnh quan	34
PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	37
6.1. Đối với bộ môn quản lý chương trình.....	37
6.2. Đối với giảng viên	37
6.3. Kiểm tra, đánh giá.....	38
6.4. Đối với học viên.....	38

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh	3
Bảng 4.1. Đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế	27
Bảng 4.2. Đội ngũ CBGD thỉnh giảng có học hàm học vị của Khoa Kinh tế	31

PHẦN I. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1959. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đại học sư phạm đến nay Trường đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Ra đời trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trường Đại học Vinh đã trải qua những chặng đường phát triển vô cùng gian khổ nhưng cũng rất đổi vinh quang. Trong cuộc chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ gây ra đối với Miền Bắc, Nhà trường đã trải qua 8 năm sơ tán, gian nan tột bậc, chịu tổn thất nặng nề nhất trong hệ thống các trường đại học. Đến năm 1973, Nhà trường mới quay trở lại thành phố Vinh và phải xây dựng lại hoàn toàn. Trong những năm tháng khó khăn chung của đất nước trước đổi mới, Nhà trường đã ra sức khắc phục mọi khó khăn, thử thách, bằng ý chí tự lực tự cường, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng thi đua dạy tốt, học tốt. Từ những năm 1990, tiếp thu tinh thần đổi mới của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước, Nhà trường đã từng bước ổn định và mở rộng phát triển theo hướng đa ngành. Năm 2001, ghi nhận những nỗ lực và cố gắng của tập thể Nhà trường trong việc chuyển từ một trường đại học sư phạm trở thành một trường đại học đa ngành, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm Quốc gia. Hiện nay, Trường Đại học Vinh là 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2017.

1.1.2. *Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục*

- **Sứ mạng:** Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN.

- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.
- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực, trách nhiệm, say mê, sáng tạo, hợp tác.
- **Triết lý giáo dục:** Nuôi dưỡng say mê, khuyến khích sáng tạo, tôn trọng khác biệt, thúc đẩy hợp tác.

Chính sách chất lượng của Trường là “không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kì”.

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

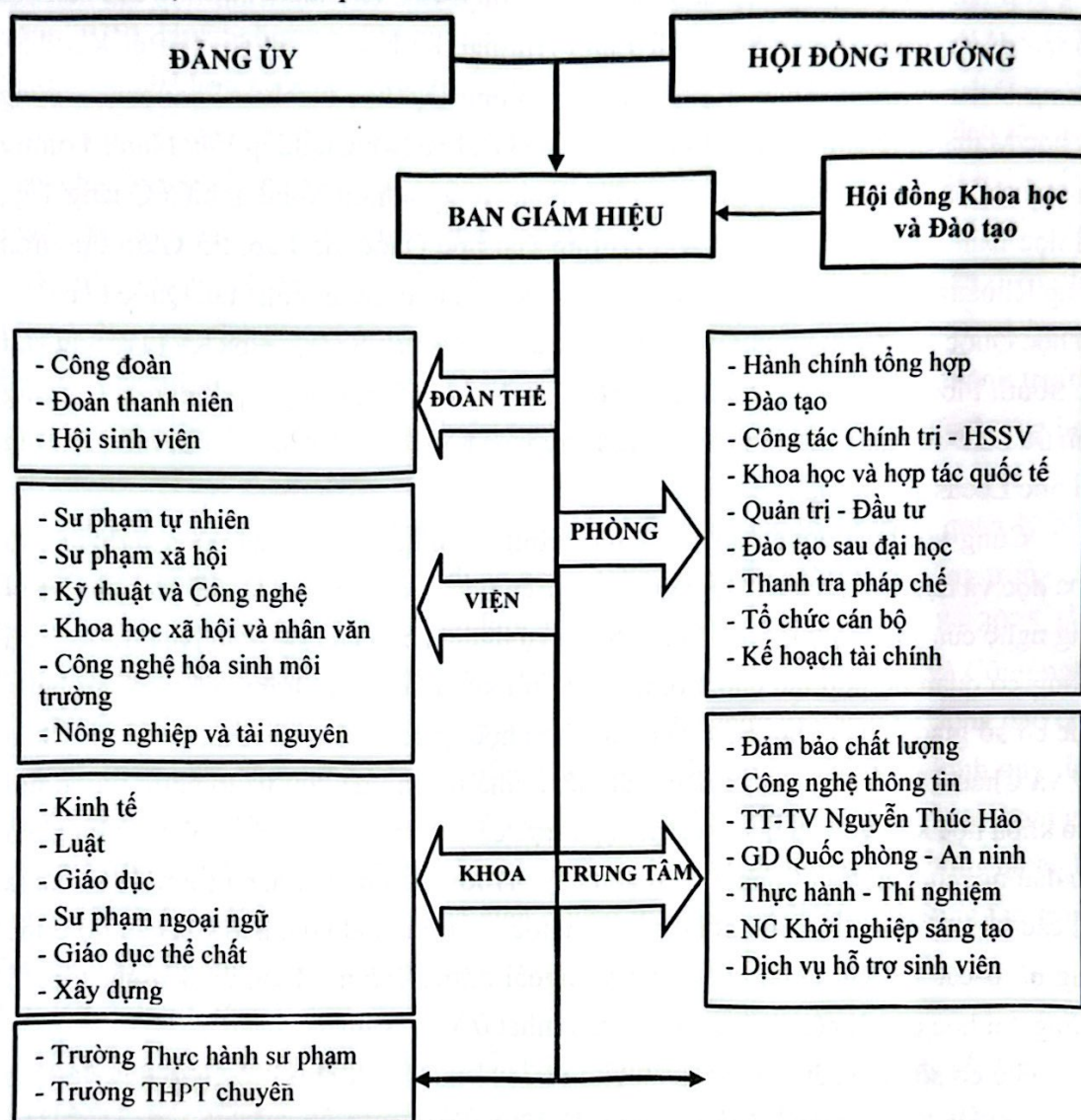
Trường có trụ sở chính (cơ sở 1) tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích trên 14 ha và 4 cơ sở khác:

- Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của khoa Nông - Lâm - Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh; địa chỉ: xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; diện tích 112 ha.
- Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9 ha.
- Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt; địa chỉ: khối 4, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha.
- Cơ sở 5: Khu kí túc xá sinh viên; địa chỉ: khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha.

Cơ cấu tổ chức của Trường hiện có 6 viện, 7 khoa đào tạo, 12 phòng ban, 12 trung tâm, trạm, 2 văn phòng đại diện với 55 ngành đào tạo đại học; 37 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 17 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường THPT Chuyên trực thuộc Trường Đại học Vinh là 1 trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước. Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh với các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

Hiện nay, Trường đào tạo 58 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với trên 180.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 13.366 thạc sĩ và 244 tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên, là một trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước, và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

- **Đội ngũ cán bộ:** Trường Đại học Vinh hiện có 1.046 cán bộ, viên chức (trong đó có 714 cán bộ giảng dạy), 56 giảng viên cao cấp, 3 giáo sư, 50 phó giáo sư, 284 tiến sĩ, 502 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ của Trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước. Trường Đại học Vinh đã mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các chương trình đào tạo cho cán bộ, sinh viên, học sinh được thực hiện tại nước ngoài ngày càng tăng và có hiệu quả hơn. Song song với công tác đào tạo, nhà trường cũng đã liên kết với các

đối tác nước ngoài tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị mang tính quốc tế và các chương trình hợp tác trao đổi trên nhiều lĩnh vực. Trong thời gian này, Trường Đại học Vinh đã tranh thủ được sự giúp đỡ của các đối tác quốc tế thực hiện các dự án có tính khả thi và đóng góp nhiều cho sự nghiệp đào tạo của Trường. Các chương trình hợp tác liên kết đào tạo đã được thực hiện với Thái Lan (Trường Đại học Udon Thani Rattana-Kulchai, Trường Đại học Udon Thani Rattana-Kulchai, Trường Đại học Nakhon Phanom, Trường Đại học Mahasarakham), Trung Quốc (Trường Đại học Nông nghiệp Vân Nam, Trường Đại học Sư phạm Vân Nam, Học viện Kỹ thuật Nông nghiệp Quảng Tây, Đại học Dân tộc Quảng Tây), Lào (Trường Đại học Quốc gia Lào, Sở Giáo dục tỉnh Xiêng Khoảng), Pháp (Trường Đại học Rennes 2 -Haute Bretagne), Hàn Quốc (Trường Đại học Quốc gia Kyungpook), Nhật Bản (Trường Đại học Saga), Hoa Kỳ (Trường Đại học South Florida, Trường Đại học Bristol, Trường Đại học Công lập Indiana, Chương trình trao đổi học giả Fulbright, Viện Anh ngữ Hoa Kỳ - ELI), Vương quốc Anh (Trường Đại học Leeds Beckett),...

Cùng với hoạt động đào tạo, Nhà trường luôn quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Đội ngũ giảng viên tích cực tham gia các dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu với các nhà khoa học đầu ngành. Chỉ tính trong 5 năm gần đây, Trường triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp; tổ chức trên 100 hội thảo khoa học; có trên 2.000 bài báo của cán bộ được công bố ở các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Trường luôn nằm trong top 10 trường đại học có bài công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Vinh hiện nay có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 10 đảng bộ bộ phận, 42 chi bộ (trong đó có 13 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên trực thuộc đảng bộ bộ phận, 19 chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường). Toàn Đảng bộ có 923 đảng viên, trong đó có 626 cán bộ, 297 sinh viên, học viên cao học. Đảng bộ Nhà trường nhiều năm liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Với những kết quả toàn diện trong 60 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà

Năm 2003, Khoa Kinh tế đào tạo đại học chính quy ngành Kinh tế, đến nay đã có 12 khóa học và trên 5000 sinh viên tốt nghiệp ra trường. Khoa Kinh tế hiện đang đào tạo 4 mã ngành đại học (Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng) và một chuyên ngành sau đại học (Kinh tế chính trị) với 3.646 sinh viên chính quy, 1.315 quốc tế.

Với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và khoa học chuyên gia công nghệ thuộc lĩnh vực kinh tế; Triển khai hoạt động hợp tác khối ngành kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước; Nghiên cứu yêu cầu của Khoa Kinh tế là: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và sau đại học BGH&ĐT-TCCB, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng nhiệm vụ chủ

Ngày 24/2/2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-

1.2. Khoa Kinh tế

dạy và học"; hướng tới tự chủ đại học.

Hiện nay, Nhà trường đang đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường; đẩy mạnh tái cấu trúc, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động; triển khai xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động đào tạo; tổ chức triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO; phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo; nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên; học viên; thực hiện phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong

các trường đại học ASEAN".

Với bề dày truyền thống 60 năm, Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: "Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Mạng lưới

2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

(năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Lao động hàng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Lao động hàng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Lao động hàng Nhứt (năm 1992, Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý:

sinh viên hệ không chính quy và học viên cao học. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo và cấp chứng chỉ: Kế toán tổng hợp, Kế toán máy, Kế toán trưởng, Quản trị doanh nghiệp, Marketing bán hàng, Đầu tư chứng khoán, Nghiệp vụ ngân hàng... cho hơn 3000 học viên. Khoa Kinh tế có gần 100 sinh viên của Lào đang theo học ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng. Hàng năm, ban chủ nhiệm Khoa, Trưởng Bộ môn cũng được Nhà trường bố trí đi theo dự án giáo dục đại học tham khảo mô hình đào tạo ở Pháp, Xingapo, Thái Lan... Từ năm 2005 đến nay đã có 01 cán bộ của Khoa sang giảng dạy một số học phần cho một số cơ sở bồi dưỡng đào tạo ở Thái Lan. Trong thời gian vừa qua, một số trường đại học của Thái Lan, Trung Quốc cũng đã sang làm việc với Trường, Khoa về việc hợp tác, liên kết đào tạo theo hình thức du học bán phần như Đại học E. SARN Hoàng Gia Đông Bắc Thái Lan, Đại học Ubon Ratchathani Rajabhat...

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường...

Sau 17 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng nhiều. Khoa hiện có 56 cán bộ, trong đó có 56 giảng viên với 2 PGS.TS, 15 TS, 39 ThS (có 18 người đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước). Nhiều cán bộ khoa hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa ngày càng mở rộng.

1.3. Ngành Quản lý kinh tế

Ngày 08 tháng 11 năm 2016, Khoa Kinh tế được Bộ giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 5301/QĐ-BGDĐT cho phép đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế. Việc mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế cho thấy sự nắm bắt kịp thời nhu cầu xã hội và xu thế phát triển hội nhập kinh tế thế giới. Ngành học ra đời đã đáp ứng được nhu cầu học tập của đông đảo cán bộ và học viên, góp phần tích cực trong nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nước nhà.

Việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Vinh đã trải qua một quá trình chuẩn bị kỹ lưỡng, đáp ứng những yêu cầu của chương trình đào tạo hiện đại theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cùng với việc xây dựng chương trình, Nhà trường và Khoa Kinh tế đã tích cực chuẩn bị đội ngũ giảng viên phục vụ cho việc đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Không kể các GS, PGS, TS ở các khoa khác của Trường Đại học Vinh nhiều năm trực tiếp tham gia đào tạo Sau đại học ngành Kinh tế, đội ngũ CBGD cơ hữu

có học hàm PGS, học vị TS của Khoa Kinh tế gồm 17 người, trong đó 02 PGS, TS, ngành Kinh tế, 04 TS chuyên ngành Quản lý kinh tế. Trong 5 năm tới, 50% cán bộ giảng dạy khoa sẽ đạt trình độ tiến sĩ. Đến nay, đội ngũ cán bộ Khoa Kinh tế đã có 08 năm kinh nghiệm đào tạo trình độ thạc sĩ Kinh tế chính trị, 05 năm đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Kinh tế cũng đã chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế. Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, nhất là Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào lưu giữ hàng vạn tài liệu tham khảo có giá trị đối với chuyên ngành Quản lý kinh tế, Khoa Kinh tế còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên, học viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa Kinh tế hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

Từ năm 2016 đến nay, Khoa Kinh tế đã đào tạo 05 khóa trình độ thạc sĩ Kinh tế, ngành Quản lý kinh tế trong đó có 03 khóa đã tốt nghiệp. Nhiều học viên tốt nghiệp đã trở thành cán bộ cốt cán của các doanh nghiệp, các sở, ban, ngành của tỉnh, huyện.

PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1. Tên ngành:	Quản lý kinh tế
2. Mã số ngành đào tạo:	8 34 04 10
3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4. Thời gian đào tạo:	2 năm
5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:	Thạc sĩ Kinh tế (Ngành Quản lý kinh tế)
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Khoa Kinh tế
7. Hình thức đào tạo:	Chính quy - Tập trung
8. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
9. Ngày tháng ban hành:	
10. Phiên bản chỉnh sửa:	Phiên bản 1

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế có kiến thức chuyên sâu về kinh tế ứng dụng và quản lý kinh tế, nắm bắt được nguyên lý quản lý kinh tế của tổ chức trong một môi trường mở và hướng ra toàn cầu nhằm phục vụ công tác quản lý kinh tế trong khu vực công và các khu vực khác.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, người học có khả năng:

PO1. Áp dụng được kiến thức lý thuyết của chuyên ngành trong hoạch định, điều hành và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội; am hiểu mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề về quản lý kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

PO2. Có kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong hoạt động và phát triển nghề nghiệp.

PO3. Có khả năng nghiên cứu độc lập, năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý trong hoạch định, xây dựng, phân tích và đánh giá chính sách kinh tế xã hội.

PO4. Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy chuyên ngành Quản lý kinh tế, ngành Kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể.

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.3.1. Chuẩn đầu ra

Người học có khả năng:

PLO1. Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực quản lý kinh tế và ứng dụng có hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

PLO2. Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tiếp thu và phát triển các kiến thức nền tảng về kinh tế học và quản lý kinh tế, vận dụng để hoạch định, xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách, tham gia quản lý điều hành các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế khác.

PLO3. Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy chuyên ngành Quản lý kinh tế, ngành Kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể.

PLO4. Ứng dụng sáng tạo lý thuyết khoa học quản lý, kinh tế ứng dụng, có thể phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, đánh giá vấn đề, phân tích tình huống, xử lý các thông tin một cách thành thạo.

PLO5. Có năng lực phân tích, xử lý và kiến nghị các vấn đề kinh tế - xã hội dưới góc độ quản lý kinh tế.

PLO6. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm công dân tốt; Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo					
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6
PO1	✓			✓		□
PO2		✓	✓	✓		
PO3				✓	✓	✓
PO4				✓		

2.3.2. Đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra	Khung trình độ quốc gia Việt Nam		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO1. Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực quản lý kinh tế và ứng dụng có hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.	✓		
PLO2. Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tiếp thu và phát triển các kiến thức nền tảng về kinh tế học và quản lý kinh tế, vận dụng để hoạch định, xây dựng, phân tích, đánh giá chính sách, tham gia quản lý điều hành các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế khác.	✓	✓	
PLO3. Có kỹ năng tự đào tạo để nâng cao trình độ nghiên cứu và phương pháp sư phạm trong giảng dạy chuyên ngành Quản lý kinh tế, ngành Kinh tế ở các trường đại học, cao đẳng, các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và đoàn thể.		✓	
PLO4. Ứng dụng sáng tạo lý thuyết khoa học quản lý, kinh tế ứng dụng, có thể phát huy các kinh nghiệm của bản thân và hình thành các kỹ năng cần thiết trong việc phân tích, đánh giá vấn đề, phân tích tình huống, xử lý các thông tin một cách thành thạo.		✓	✓
PLO5. Có năng lực phân tích, xử lý và kiến nghị các vấn đề kinh tế - xã hội dưới góc độ quản lý kinh tế.		✓	✓
PLO6. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm công dân tốt; Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.			✓

2.4. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan quản lý kinh tế từ trung ương đến địa phương, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức lợi nhuận và tổ chức phi lợi nhuận trong nước và quốc tế; tham gia quản lý các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế...;

- Chuyên viên của các tổ chức kinh tế, xã hội tham mưu, tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế và các doanh nghiệp, cũng như trong các cơ quan nghiên cứu về kinh tế - xã hội;

- Cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế tại các viện nghiên cứu, các cơ quan truyền thông, các trường đại học khối ngành kinh tế, đặc biệt là quản lý kinh tế;

- Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc học tiến sĩ

2.5. Tuyển sinh

Tuyển sinh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh.

2.5.1. Phương thức, số lần và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- *Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:* Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- *Số lần tuyển sinh:* Mỗi năm tổ chức 2 lần tuyển sinh.

- *Địa điểm tổ chức tuyển sinh:* Trụ sở của Trường Đại học Vinh (182 Lê Duẩn, TP. Vinh, Nghệ An) đã được ghi trong hồ sơ đăng ký mở chuyên ngành và các địa điểm ngoài Trường đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận các điều kiện thực tế đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ; việc tổ chức thi tuyển sinh ngoài địa điểm chính phải được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Các quy định về phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh, thời điểm tuyển sinh trong năm và địa điểm tổ chức tuyển sinh được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh.

2.5.2. Các môn thi tuyển

- Thí sinh thi tuyển đầu vào CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế gồm ba môn:

(i) Môn cơ bản: Lịch sử các học thuyết kinh tế

(ii) Môn cơ sở: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

(iii) Ngoại ngữ (Tiếng Anh).

- Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn tiếng Anh:
- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ giáo dục và Đào tạo về chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam.
- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài.
- + Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng phải tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
- + Thí sinh là người nước ngoài có quy định riêng điều kiện ngoại ngữ về việc xét tuyển đầu vào trình độ thạc sĩ.

2.5.3. Ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế

Danh mục ngành đúng, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản lý kinh tế bao gồm:

Chuyên ngành	Ngành đúng, ngành phù hợp	Ngành gần	Ngành khác
Quản lý kinh tế	- Quản lý kinh tế - Nhóm ngành Kinh tế học bao gồm: Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế và quản lý công; Kinh tế thủy sản; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	- Các chuyên ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý; Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng.... - Nhóm ngành thuộc nhóm Kinh doanh. Gồm: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại,... - Nhóm ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, gồm: Tài chính - Ngân hàng; Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp; Bảo hiểm,.. - Nhóm ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán, gồm: Kế toán, Kiểm toán,.. - Nhóm ngành thuộc nhóm Thống kê, tin học quản lý,..	Các ngành còn lại

2.5.4. Học bổ túc kiến thức

2.5.4.1. Đối với ngành gần

Ngành gần	Học phần bổ túc	Số tín chỉ bổ túc
- Các chuyên ngành thuộc nhóm Quản trị - Quản lý; Khoa học quản lý; Chính sách công; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý công; Quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng.... - Nhóm ngành thuộc nhóm Kinh doanh. Gồm: Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại,... - Nhóm ngành thuộc nhóm Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, gồm: Tài chính - Ngân hàng; Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp; Bảo hiểm,... - Nhóm ngành thuộc nhóm Kế toán - Kiểm toán, gồm: Kế toán, Kiểm toán,... - Nhóm ngành thuộc nhóm Thống kê, tin học quản lý,...	1. Quản lý học	2
	2. Chính sách kinh tế	2

2.5.4.2. Đối với ngành khác

Ngành khác	Học phần bổ túc	Số tín chỉ bổ túc
	1. Kinh tế vi mô	2
	2. Kinh tế vĩ mô	2
	3. Quản lý học	2
	4. Chính sách kinh tế	2
	5. Quản lý nhà nước về kinh tế	2

2.5.5. Đối tượng dự tuyển

- Về văn bằng: Người dự thi phải đáp ứng điều kiện sau

(i) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp (Quản lý kinh tế).

(ii) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Quản lý kinh tế (tốt nghiệp đại học khối ngành Kinh tế học, Kinh doanh và quản lý) phải có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 02 môn do trường Đại học Vinh quy định;

(iii) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức 05 môn do trường Đại học Vinh quy định;

- Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác loại khá trở lên đã hoàn thành bổ sung kiến thức được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những trường hợp còn lại được đăng ký dự thi sau một năm tốt nghiệp đại học.

2.5.6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

- **Đối tượng ưu tiên:**

(i) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế xét tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

(ii) Thương binh, người hưởng chính sách thương binh;

(iii) Con liệt sĩ;

(iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

(v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương theo quy định;

(vi) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

- **Mức ưu tiên:** Những thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trên được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn tiếng Anh và 1 điểm cho môn cơ bản.

2.5.7. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt ít nhất 50% số điểm của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi cộng điểm ưu tiên, nếu có).

- Căn cứ chỉ tiêu đã được thông báo, tổng điểm hai môn thi gồm Lịch sử các học thuyết kinh tế và Quản lý kinh tế Mác - Lênin, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

2.6. Điều kiện bảo vệ luận văn

- Học viên hoàn thành CTĐT, có điểm trung bình chung các học phần trong CTĐT đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).

- Đạt trình độ ngoại ngữ do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quy định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt yêu cầu.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập.

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường Đại học Vinh.

2.7. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được thực hiện theo Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh. Điều kiện tốt nghiệp bao gồm:

- (i) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn tại Mục 2.6;
- (ii) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên (thang điểm 10);
- (iii) Đã nộp luận văn và được Hội đồng đánh giá luận văn đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Trường Đại học Vinh;
- (iv) Đã công bố công khai luận văn trên trang thông tin điện tử của Trường;
- (v) Các điều kiện khác do Trường Đại học Vinh quy định.

PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được xây dựng theo hình thức đào tạo theo tín chỉ. Chương trình đào tạo có thời gian đào tạo tối đa 24 tháng được phân thành 4 học kỳ. Các học phần được phân loại theo dạng các học phần chung, các học phần cơ sở ngành bắt buộc, các học phần cơ sở ngành tự chọn, các học phần chuyên ngành bắt buộc, các học phần chuyên ngành tự chọn và luận văn tốt nghiệp. Số lượng tín chỉ của các nhóm học phần được mô tả trong Bảng 3.1.

Bảng 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Nhóm học phần	Tín chỉ			
		Số lượng	%	Bắt buộc	Tự chọn
1	Học phần chung	7	11,48%	7	0
2	Học phần cơ sở ngành	24	39,34%	12	12
3	Học phần chuyên ngành	15	24,59%	9	6
4	Luận văn tốt nghiệp	15	24,59%	15	0
Tổng		61	100%	43	18

3.2. Các học phần theo khối kiến thức

3.2.1. Các học phần chung

TT	Tên học phần	Số tín chỉ
Các học phần bắt buộc		
1	Triết học <i>Philosophy</i>	4
2	Tiếng Anh <i>English</i>	3
Tổng số tín chỉ:		7

3.2.2. Các học phần cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Số TC
Các học phần bắt buộc		
1	Thống kê ứng dụng (Application Statistics)	3
2	Kinh tế vĩ mô nâng cao (Macroeconomic enhancement)	3

3	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội (State management of socio-economic)	3
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế (Economic science research methods)	3
Các học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)		
1	Kinh tế quốc tế nâng cao (International economic integration)	3
2	Kinh tế phát triển nâng cao (Advanced economic development)	3
3	Kỹ năng quản lý (Management Skill)	3
4	Quản lý nguồn nhân lực (Human resources management)	3
5	Quản lý tài chính công (State finance management)	3
6	Quản lý chương trình và dự án công (Public programs and projects management)	3
7	Các nhà quản lý kinh tế tiêu biểu của thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI (Representative economic managers of XX century - the early of XXI century)	3
8	Quản lý khủng hoảng (Crisis management)	3

3.2.3. Các học phần chuyên ngành

TT	Tên học phần	Số TC
Các học phần bắt buộc		
1	Quản lý tổ chức (Organizational management)	3
2	Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa (Economic development management in globalization)	3
3	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế (Economic policy analysis and evaluation)	3
Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 6 học phần)		
1	Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội	3

	(Socio-economic development planning)	
2	Lãnh đạo và quản lý (Leaders and management)	3
3	Đàm phán và quản lý xung đột (Negotiation and conflict management)	3
4	Quản lý sự thay đổi (Change management)	3
5	Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam (Sustainable economic development management in Vietnam)	3
6	Quản lý chiến lược (Strategic management)	3

3.2.4. Luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 15

- Một số hướng nghiên cứu luận văn tốt nghiệp bao gồm:

- (i) Nghiên cứu giải quyết các vấn đề về quản lý kinh tế các nước và kinh tế khu vực;
- (ii) Nghiên cứu giải quyết các vấn đề về quản lý kinh tế vùng và địa phương;
- (iii) Nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế ngành, lĩnh vực;
- (iv) Nghiên cứu các vấn đề về quản lý kinh tế trong khu vực kinh tế nhà nước,

các tổ chức kinh tế - xã hội.

3.2.5. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1	- 2 học phần chung	7
	- Triết học	4
	- Ngoại ngữ	3
	- 3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành	9
	- Thống kê ứng dụng	3
	- Kinh tế vĩ mô nâng cao	3
	- Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3
Học kỳ 2	- 1 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành	3
	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3
	- 4 học phần tự chọn của khối kiến thức cơ sở ngành	12
	- 1 học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	3
	- Quản lý tổ chức	3

Học kỳ 3	- 2 học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành	6
	- Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa	3
	- Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3
	- 2 học phần tự chọn của khối kiến thức chuyên ngành	6
	- Bảo vệ đề cương	
Học kỳ 4	- Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	15

3.3. Mô tả học phần

3.3.1. Triết học

- **Mô tả học phần:** Học phần được kết cấu thành 11 chương, trình bày khái quát lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và lịch sử triết học Mác - Lênin; trình bày các chuyên đề triết học.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng; giúp người học vận dụng các kiến thức triết học để nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội, cũng như tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

3.3.2. Tiếng Anh

- **Mô tả học phần:** Tiếng Anh là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành và được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khoá đào tạo.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp (intermediate level hoặc bằng C), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.

3.3.3. Thống kê ứng dụng

- **Mô tả học phần:** Mô tả tóm tắt môn học: Học phần Thống kê ứng dụng cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thống kê bao gồm việc thu thập dữ liệu về các hiện tượng kinh tế - kinh doanh và việc xử lý tổng hợp các dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong quản lý kinh tế, kinh doanh và xã hội. Giới thiệu các phần mềm làm công cụ hỗ trợ cho các xử lý thống kê nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và gia tăng độ chính xác của kết quả tính toán; cho học viên làm quen với việc đọc các kết quả thống kê được tính toán từ các công cụ này.

- **Mục tiêu học phần:** Học xong học phần Thống kê ứng dụng, học viên có khả năng: Nhận thức đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của thống kê trong hoạt động quản trị, kinh

doanh, phân tích kinh tế; Hiểu được các phương pháp thống kê căn bản; Chọn lựa đúng các kỹ thuật thống kê đã nhằm áp dụng giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến số liệu thống kê trong công việc một cách phù hợp; Hiểu và ứng dụng được các kết quả của phân tích thống kê; Có kỹ năng xử lý và trình bày số liệu thống kê trên các phần mềm phổ biến; Đọc thông thạo một số kết quả thống kê do các phần mềm xử lý số liệu thống kê phổ biến (như Excel, SPSS) cung cấp để phục vụ cho việc ra quyết định.

3.3.4. Kinh tế vĩ mô nâng cao

- **Mô tả học phần:** Học phần thuộc kiến thức cơ sở cung cấp cơ sở lý luận cơ bản về kinh tế học ở tầm vĩ mô cho các môn học chuyên ngành. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho học viên nền tảng tri thức kinh tế về chuyên ngành kinh tế học vĩ mô, khung khổ phân tích định lượng các hiện tượng, quá trình kinh tế trên quy mô tổng thể của nền kinh tế quốc dân. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kiến thức toán học.

3.3.5. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội

- **Mô tả học phần:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của QLNN về kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh tiếp tục thúc đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

- **Mục tiêu học phần:** Hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế của Đảng, nhà nước ta trong thực tiễn hiện nay, vận dụng sáng tạo trong hoạt động thực tiễn của mỗi học viên.

3.3.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế

- **Mô tả học phần:** Vị trí học phần: học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình cao học Quản lý kinh tế. Trang bị những phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung; kỹ năng tiếp cận các vấn đề kinh tế; giới thiệu các phương pháp định tính và định lượng, kỹ năng xử lý và phân tích số liệu; thiết bị hiện đại trợ giúp nghiên cứu khoa học cơ bản; thiết kế các mô hình phân tích kinh tế; xử lý thông tin trợ giúp của nhiều công cụ hiện đại.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị kiến thức, bồi dưỡng phương pháp, rèn luyện kỹ năng

+ **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức về Bản chất của quá trình nghiên cứu khoa học; Các bước thiết kế nghiên cứu; Cách thức thu thập và xử lý số liệu; Cách thức viết báo cáo nghiên cứu;

+ **Kỹ năng:** Thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong khoa học kinh tế; Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán; Thiết lập câu hỏi điều

tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu; Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu; Kỹ năng thuyết trình trước đám đông

+ Thái độ, chuyên cần: Làm cho Học viên say mê nghiên cứu khoa học; Có thái độ trân trọng, niềm tin đối với các nhà khoa học và các công trình nghiên cứu, có ý thức đề cao các ứng dụng khoa học; Hăng say học tập, nghiên cứu khoa học.

3.3.7. Kinh tế quốc tế nâng cao

- **Mô tả học phần:** Vị trí môn học: thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu quản lý kinh tế.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị những tri thức kinh tế cơ bản về các lý luận kinh tế trong giao dịch quốc tế, kinh tế đối ngoại. Học viên phải có kiến thức về Kinh tế học vĩ mô và vi mô; kiến thức về ngoại thương, quan hệ kinh tế đối ngoại.

3.3.8. Kinh tế phát triển nâng cao

- **Mô tả học phần:** Thuộc học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn. Những kiến thức học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần khác trong chương trình của cao học Kinh tế. Nó góp phần tích cực tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu Quản lý kinh tế. Sử dụng các phương pháp truyền thống và hiện đại, sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.

- Mục tiêu học phần:

Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển. Giúp cho người học có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào các hoạt động thực tiễn, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững. Nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu trong việc tích cực góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

3.3.9. Kỹ năng quản lý

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về các kỹ năng quản lý như: tự nhận thức, quản trị căng thẳng cá nhân, giải quyết vấn đề theo kiểu phân tích và sáng tạo, kỹ năng huấn luyện, tư vấn và thuyết trình hỗ trợ; hiểu rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải tạo dựng quyền lực và ảnh hưởng; vai trò của động cơ thúc đẩy, cách thức quản trị xung đột, xây dựng và làm việc nhóm hiệu quả.

- **Mục tiêu học phần:** Môn học rèn luyện kỹ năng quản lý, một lĩnh vực kỹ năng tác dụng hữu ích trong phạm vi đa dạng các tổ chức, giúp người học có khả năng thể hiện hành vi hiệu quả thực tiễn cuộc sống, hoạt động kinh doanh và phát triển nghề

nghiệp. Môn học giúp người học nhận diện kỹ năng thông qua các trải nghiệm, hiểu biết và định hướng thay đổi hành vi thông qua việc học tập các hành vi phù hợp với tính hiệu quả trong các lĩnh vực kỹ năng, giúp người học rèn luyện nâng cao kỹ năng quản lý.

3.3.10. Quản lý nguồn nhân lực

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một tổ chức. Nội dung của học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Quản lý kinh tế như quản lý nguồn nhân lực, tạo động lực lao động.

- **Mục tiêu học phần:** Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về quản trị nhân sự, qua đó giúp cho những nhà quản trị tương lai phát triển và khai thác hiệu quả nguồn lực: “con người” của tổ chức, và qua đó sử dụng tốt tất cả những nguồn lực sẵn có trong tổ chức. Học phần sẽ giúp học viên nhận thức đúng đắn vai trò của con người và ý nghĩa quan trọng của quản lý nguồn nhân trong một tổ chức.

Học phần sẽ tập trung trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác quản lý nguồn nhân lực (phân tích công việc, kế hoạch hóa nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá thực hiện công việc, thù lao lao động) giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn mang tính đồng bộ và có hiệu quả hơn.

3.3.11. Quản lý tài chính công

- **Mô tả học phần:** Vị trí môn học thuộc học phần kiến thức tự chọn, cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý tài chính công tạo cơ sở cho việc đi sâu nghiên cứu quản lý kinh tế.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên công cụ phân tích tài chính, tiền tệ với tư cách các công cụ trực tiếp tác động tới mọi hiện tượng, quá trình kinh tế, trang bị hệ thống tri thức và các mô hình kinh tế liên quan tới quy luật vận động của các nguồn lực tài chính, tiền tệ. Học viên phải có kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô, vi mô; Kinh tế học công cộng; kiến thức nhất định về tiền tệ, ngân hàng, ngân sách nhà nước và chứng khoán.

3.3.12. Quản lý chương trình và dự án công

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở tự chọn. Học phần này được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức nâng cao về quản lý một chương trình và dự án đầu tư công. Giúp người học nắm bắt được các khái niệm, cách phân loại hoạt động đầu tư và dự án đầu tư công, chu kỳ thực hiện dự án, các bước nghiên cứu và lập

- **Mục tiêu học phần:** Mục tiêu tổng quát của học phần này là trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về quản lý các chương trình và dự án đầu tư công. Học phần sẽ tập trung trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về các hoạt động của công tác tổ chức quản lý chương trình và dự án đầu tư công, giúp học viên cao học có được kiến thức toàn diện hơn, qua đó ứng dụng kiến thức của những học phần khác vào thực tiễn quản lý chương trình và dự án đầu tư công ở Việt Nam.

kinh tế, đặc biệt những kinh nghiệm quản lý kinh tế của các nhà quản lý thành công. Văn dùng tư tưởng quan lý kinh tế trong bối cảnh tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

3.3.14. Quản lý khủng hoảng

- *Mô tả học phần:* Vị trí của học phần: Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kỹ năng quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; quản lý phát triển kinh tế trong quan cầu hóa và các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá.

3.3.15. Quan lý tổ chức

hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên những kiến thức hệ thống và cập nhật về quản lý tổ chức như: bản chất và đặc trưng của quản lý; các khuynh hướng phát triển chủ yếu của khoa học quản lý hiện đại; các phương pháp, phong cách, nghệ thuật quản lý với những quan điểm tiếp cận mới; sự phát triển của các chức năng quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra).

3.3.16. Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa

- **Mô tả học phần:** Với thời lượng 3 tín chỉ trong quá trình nghiên cứu môn học, học viên đã nắm cơ bản kiến thức về quản lý kinh tế. Môn học sẽ cụ thể hóa các chiến lược quản lý kinh tế của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bổ sung những kiến thức cần thiết để người học có thể tổ chức và triển khai công tác quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- **Mục tiêu học phần:** Môn học Quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu hóa là tài liệu giảng dạy cung cấp kiến thức cho học viên về các chiến lược quản lý phát triển kinh tế trong toàn cầu; hoạch định, kiểm soát, quản lý chiến lược...

3.3.17. Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình cao học Kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản trị công, Kinh tế học công cộng, Quản lý kinh tế, Kinh tế chính trị; các kỹ năng phân tích, tổng hợp... Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ lãnh đạo trong bộ máy của Đảng và Nhà nước.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên những kỹ năng mới mà còn rất thiếu hiện nay - đó là phương pháp luận và kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn chính sách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý kinh tế.

3.3.18. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- **Mô tả học phần:** Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình cao học Quản lý kinh tế. Yêu cầu học viên có kiến thức về Quản lý tổ chức, Kinh tế phát triển nâng cao, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về kinh tế; các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá. Môn này đặc biệt cần thiết cho đối tượng người học là những cán bộ quản lý nhà nước.

- **Mục tiêu học phần:** Trang bị cho học viên những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về quá trình thiết lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội lãnh thổ và quy hoạch phát triển ngành. Từ đó các học viên có thể vận dụng các kiến thức để tham gia thực hiện công tác lập quy hoạch trong lĩnh vực công tác của mình.

3.3.19. Lãnh đạo và quản lý

- **Mô tả học phần:** Môn học phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về lãnh đạo

trong quản lý nói chung và quản lý kinh tế nói riêng. Đặc biệt có vận dụng cụ thể trong quản lý kinh tế Việt Nam hiện nay.

- **Mục tiêu học phần:** Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận cơ bản có hệ thống về chính trị và lãnh đạo trong quản lý kinh tế. Trên cơ sở đó có khả năng nghiên cứu, ứng dụng lãnh đạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Mỗi quan hệ giữa kinh tế và chính trị, quản lý kinh tế và chính trị, lãnh đạo và quản lý kinh tế và thực tiễn ứng dụng các mối quan hệ này ở nước ta.

3.3.20. Đàm phán và quản lý xung đột

- **Mô tả học phần:** Môn học gồm hệ thống lý luận về đàm phán và giải quyết xung đột. Bản chất đàm phán và giải quyết xung đột, những nguyên lý đàm phán như hình thức, một số thuật ngữ cơ bản của giao dịch, các yếu tố năng lực giao dịch; Các kỹ năng giao tiếp đa phương và lễ nghi trong đàm phán và giải quyết xung đột; Tâm lý đàm phán cũng như vận dụng văn hoá vào giao dịch đàm phán kinh doanh; nghệ thuật trong đàm phán và giải quyết xung đột; các nội dung của quá trình đàm phán và giải quyết xung đột trong kinh doanh.

- **Mục tiêu học phần:** Môn học cung cấp cho người học những tri thức lý luận cơ bản về bản chất đàm phán và giải quyết xung đột, các nguyên lý của truyền thông đàm phán và giao tiếp; Kỹ năng giao tiếp đa phương và lễ nghi trong giao dịch; Tâm lý trong đàm phán và giải quyết xung đột; văn hoá trong đàm phán và giải quyết xung đột; Bản chất của truyền thông, đàm phán và giải quyết xung đột; nội dung, phương thức; nghệ thuật, chiến lược trong đàm phán giao tiếp; Các hoạt động của công tác chuẩn bị truyền thông đàm phán và giải quyết xung đột.

3.3.21. Quản lý sự thay đổi

- **Mô tả học phần:** Học phần Quản lý sự thay đổi trang bị cho học viên chuyên ngành Quản lý kinh tế hệ thống tri thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề chung của sự thay đổi và quản trị sự thay đổi.

- **Mục tiêu học phần:** Giúp học viên nhận thức được tính tất yếu của sự thay đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là trong các hoạt động kinh tế; Những nhân tố tác động, thúc đẩy sự thay đổi trong tổ chức; Nguồn gốc của sự thay đổi cũng như ảnh hưởng của chúng tới tổ chức. Ngoài ra, môn học còn giúp học viên có được cách thức tiếp cận, xử lý, khai thác và kiểm soát thay đổi một cách khoa học, nhằm gia tăng giá trị của tổ chức.

3.3.22. Quản lý phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam

- **Mô tả học phần:** Là học phần chuyên ngành tự chọn, trang bị cho học viên những kiến thức về phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam, (tiền trình, khái niệm, nội

dụng và các nguyên tắc phát triển kinh tế bền vững; Các tiêu chí đánh giá tính bền vững; Chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam)

- **Mục tiêu học phần:** Giúp học viên có hệ thống tri thức tổng hợp và toàn diện về phát triển kinh tế bền vững của các khía cạnh trong đời sống xã hội loài người. Học viên phải có kiến thức kinh tế tổng hợp, như lịch sử các học thuyết kinh tế hiện đại, kinh tế học nâng cao, kinh tế phát triển.

3.3.23. Quản lý chiến lược

- **Mô tả học phần:** Học theo chương trình tự chọn do Khoa Kinh tế biên soạn. Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại để chuyển tải những nội dung, công cụ quản lý chiến lược nhằm giúp các tổ chức phát triển một cách có hiệu quả và bền vững..

- **Mục tiêu học phần:** Là học phần tự chọn, trang bị cho người học những kiến thức về quản lý chiến lược để các nhà quản lý có thể hoạch định được các mục tiêu phát triển của mình trong tương lai và thực hiện được các mục tiêu một cách có hiệu quả và bền vững.

PHẦN IV. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

4.1. Đội ngũ giảng viên

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế có 02 PGS.TS, 15 tiến sĩ, 3 nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án cấp cơ sở chuyên ngành Quản lý kinh tế, Quản lý kinh tế, kinh tế phát triển, Đội ngũ CBGD của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế đã công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế và các kỷ yếu hội thảo quốc tế và đã thực hiện nhiều đề tài cấp Bộ và cấp Trường. Đội ngũ giảng viên của CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế như mô tả trong Bảng 4.1. và bảng 4.2.

Bảng 4.1. Đội ngũ giảng viên Khoa Kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Thành tích NCKH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Đăng Bằng Năm sinh: 1952 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh	Phó Giáo sư, 2010	TS Việt Nam, 2001	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp Trường trọng điểm, 04 cuốn sách, 27 bài báo khoa học.
2.	Bùi Văn Dũng Năm sinh: 1969, Trường Đại học Vinh	Phó Giáo sư, 2014	TS Triết Việt Nam, 1999; TS Kinh tế, 2015	Triết học - Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 07 đề tài cấp Bộ, 04 đề tài cấp Trường. Viết 05 sách, 04 giáo trình và 49 bài báo khoa

3.	Đinh Trung Thành Năm sinh: 1970 Phó trưởng Phòng Đào tạo SDH, Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2009	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 04 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 2 sách, 3 giáo trình và 22 bài báo khoa học.
4.	Trần Thị Hoàng Mai Năm sinh: 1979 Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2016	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
5.	Nguyễn Hoài Nam Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
6.	Thái Thị Kim Oanh Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Trường Viết 01 giáo trình và 15 bài báo khoa học
7.	Hồ Thị Diệu Ánh Năm sinh: 1979 Trưởng Bộ môn QTKD, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản trị kinh doanh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 11 bài báo khoa học
8.	Nguyễn Thị Minh Phượng Năm sinh: 1978 Trưởng Bộ môn Kinh tế đầu tư và phát triển, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2012	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tỉnh, 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh. Viết 2 sách, 02 giáo trình và 24 bài báo khoa học

9.	Nguyễn Thị Thúy Vinh Năm sinh: 1977 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2014	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Trường. Viết 01 sách, 01 giáo trình và 08 bài báo khoa học
10.	Nguyễn Thị Thu Cúc Năm sinh: 1978 Phó trưởng Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Tài chính	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 03 đề tài cấp Bộ, viết 01 cuốn giáo trình, 18 bài báo khoa học
11.	Hồ Mỹ Hạnh Năm sinh: 1977 Phó trưởng Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2014	Kế toán	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 1 sách, 3 giáo trình và 13 bài báo khoa học
12.	Đặng Thành Cương Năm sinh: 1980 Trưởng Bộ môn Tài chính Ngân hàng, Khoa Kinh tế Trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2012	Tài chính	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Viết 01 giáo trình, 12 bài báo khoa học
13.	Phạm Thị Thúy Hằng Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Kế toán	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh Viết 02 sách, 01 giáo trình và 16 bài báo khoa học
14.	Nguyễn Thị Bích Liên Năm sinh: 1982 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Kinh tế phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, và 09 bài báo khoa học

15.	Nguyễn Thị Thủy Quỳnh Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Viết 02 giáo trình và 07 bài báo khoa học
16.	Nguyễn Thị Hải Yến Năm sinh: 1980 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		Đã bảo vệ luận án cấp cơ sở (2016)	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Viết 01 sách, 02 giáo trình và 08 bài báo khoa học
17.	Trần Tú Khánh Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, trường ĐH Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Tham gia 05 đề tài cấp Bộ, 05 bài báo khoa học
18.	Nguyễn Thị Hạnh Duyên Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2016	Kế toán, Kiểm toán và phân tích	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 01 sách, 03 giáo trình và 12 bài báo khoa học
19.	Nguyễn Hoài Nam Năm sinh: 1981 Trưởng Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học
20.	Thái Thị Kim Oanh Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, trường Đại học Vinh		TS Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Trường Viết 01 giáo trình và 15 bài báo khoa học

Bảng 4.2. Đội ngũ CBGD thỉnh giảng có học hàm học vị của Khoa Kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH	Thành tích NCKH
1	Nguyễn Thị Ngọc Huyền Năm sinh: 1960 Nguyên Trưởng Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	PGS 2003	TS 1987	Quản lý kinh tế	25 năm	Chủ nhiệm và tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp bộ trọng điểm, 05 đề tài cấp bộ, 02 đề tài hợp tác quốc tế, 02 đề tài cấp tỉnh, 02 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên và tham gia 15 giáo trình, 46 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế
2	Mai Ngọc Anh Năm sinh: 1980 Phó trưởng Bộ môn, Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	PGS 2014	TS 2009	Quản lý kinh tế	08 năm	Chủ nhiệm và tham gia 01 đề tài cấp nhà nước, 05 đề tài cấp bộ, 02 đề tài hợp tác quốc tế, 01 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên và tham gia 06 cuốn sách, 36 bài báo đăng trên các tạp chí

						trong nước và quốc tế
3	Lê Đình Lý Năm sinh: 1967 Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An		TS 2013	Quản lý kinh tế		Tham gia 02 đề tài cấp Tỉnh, 07 bài báo đăng trên các tạp chí
4	Mai Ngọc Cường Năm sinh: 1953 Tổng biên tập Tạp chí Kinh tế và phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	GS 2003	TS 1989	Quản lý kinh tế	23 năm	Chủ nhiệm 05 đề tài cấp nhà nước, 15 đề tài cấp bộ, 05 đề tài hợp tác quốc tế, 04 đề tài cấp cơ sở, Chủ biên 19 cuốn sách, 56 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế
5	Nguyễn Hữu Đạt Năm sinh: 1953 Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam	PGS 2009	TS 1994	Quản lý kinh tế	18 năm	Chủ nhiệm 05 đề tài cấp Nhà nước, 03 đề tài cấp Bộ, Chủ biên 03 sách, đăng 25 bài báo khoa học
6	Nguyễn Đình Long Năm sinh: 1951 Giảng viên Học viện Nông nghiệp Hà Nội	PGS 2003	TS Liên Xô 1988	Quản lý kinh tế	15 năm	Chủ nhiệm 08 đề tài cấp bộ trọng điểm, Chủ biên 03 cuốn sách, tham gia 05 cuốn, viết 02 giáo trình và 20 bài báo khoa học

PHẦN V. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Trường Đại học Vinh có hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành.

5.1. Giảng đường

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của chuyên ngành Quản lý kinh tế. Hiện tại, Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 52,143m², 9 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1115 m², 36 phòng học máy tính với tổng diện tích 6.280 m². Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống loá đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Tất cả các phòng học ở nhà A, B, D (192 phòng) được lắp đặt hệ thống điều hòa và máy chiếu. Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lý bằng hệ thống phần mềm và được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Trường.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu).

5.2. Thư viện

Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”, <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Thư viện được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 9.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 08 kho sách, 06 phòng đọc với 1.800 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, điều hòa, máy photocopy, máy tính, ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học.

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên chuyên ngành Quản lý kinh tế. Thư viện được kết nối Internet, phục vụ dạy, học và NCKH hiệu quả. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ đào tạo, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, ... Thư viện đã có hướng dẫn sử dụng thư viện, các quy định liên quan đến hoạt động của thư viện và thời gian sử dụng thư viện hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Thư viện có hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ

động về thời gian. Hiện nay thư viện có gần 14.500 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ.

5.3. Môi trường và cảnh quan

Trường có khuôn viên rộng với nhiều cây xanh, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo thuận lợi để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có các khu giảng đường, khu làm việc của các Khoa/Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu học tập và NCKH của người học. Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho các hoạt động sinh hoạt, vui chơi của người học. Khu hiệu bộ và các Phòng/Trung tâm được bố trí tại tòa nhà 8 tầng với cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ, hiện đại. Văn phòng làm việc của Viện được bố trí tại khu nhà A0 gồm 5 tầng gần các giảng đường (nhà A, nhà B và nhà D) và các phòng thực hành - thí nghiệm, tạo thuận lợi cho người học trong quá trình học tập và NCKH.

Ngoài diện tích hiện nay tại khu vực Bến Thủy-Trường Thi (14ha), Trường đã được quy hoạch và triển khai xây dựng tại cơ sở II thuộc huyện Nghi Lộc với diện tích 258 ha (cho khoa Nông Lâm Ngư, Trung tâm giáo dục Quốc phòng và một số đơn vị khác). Ngoài ra, Trường đang xây dựng một số cơ sở phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ ở một số địa phương khác (Trại thực hành thủy sản Hưng Nguyên, Trung tâm thí nghiệm nuôi trồng Hải sản Nghi Xuân...). Nhà trường đã có nhiều giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được nhiều nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực.

- Quỹ đất: Hiện tại, Trường Đại học Vinh có 5 cơ sở với diện tích đất là 286,3 ha. Tổng giá trị đất: tại cơ sở 1, cơ sở 4: 22,009 tỷ đồng (tạm tính). Các cơ sở còn lại đã giao sử dụng chưa tính giá trị đất.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Tại khu vực Bến Thủy - Trường Thi, đã có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh gồm:

+ Hệ thống đường bê tông nội bộ với chiều rộng mặt đường khác nhau có tổng độ dài 2.9 km.

+ 2 trạm biến áp công suất mỗi trạm 640 KVA với cấp điện áp cao thế theo chuẩn mới 22KV. Toàn bộ hệ thống đường tải điện là cáp ngầm với tổng độ dài 3000m. Hệ thống chiếu sáng công cộng với 30 đèn cao áp thủy ngân.

+ 6 bể chứa nước lớn (chưa tính hệ thống bể trên mái nhà cao tầng) với tổng dung tích 900 m³, 1480m đường ống cấp nước và 3700m đường ống thoát nước ngầm, 2 trạm

khai thác và lọc nước công suất 10m³/1 giờ, 3 trạm bơm nước ngoài trời và 5 trạm bơm cục bộ đảm bảo đáp ứng đầy đủ các các nhu cầu nước cho sinh hoạt, đào tạo và phòng cháy chữa cháy và thoát nước tốt trong mùa mưa lũ.

+ Hệ thống khuôn viên cây xanh, cây cảnh hoàn thiện, toàn trường có trên 1000 cây lưu niên đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Phòng học, giảng đường, nhà cửa:

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m², diện tích xây dựng là 27.398 m², diện tích sử dụng là 66.700 m², tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học).

Hệ thống phòng làm việc cho khối hành chính được xây dựng đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, trang bị thiết bị và phương tiện làm việc đúng theo yêu cầu quy định. Theo cơ cấu tổ chức hiện nay Trường Đại học Vinh có 43 đơn vị hành chính (phòng, ban, văn phòng khoa, trung tâm, viện...). Trường bố trí làm việc tại 74 phòng làm việc với tổng diện tích 2.991 m²; 4 phòng họp, phòng hội thảo quốc tế với tổng diện tích 515 m².

Ký túc xá sinh viên của Trường có 3 nhà 5 tầng với tổng 168 phòng ở với tổng diện tích 5.040 m² sử dụng có khả năng đáp ứng khoảng 1104 chỗ ở với diện tích bình quân 3,2 m² SD/1 chỗ ở.

Toàn bộ nhà ký túc xá sinh viên là nhà vĩnh cửu, khép kín, đảm bảo điện, nước; riêng các phòng dành cho chuyên gia, lưu học sinh đều có lắp máy điều hoà nhiệt độ, tắm nóng lạnh, tivi và các trang bị nội thất tốt, phù hợp. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, có hệ thống căng tin, nhà ăn tập thể, gần sát sân vận động. Một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho sinh viên. Hiện tại, Trường đang sử dụng định mức nơi ở như sau: sinh viên Việt Nam: 8 SV/1 phòng, lưu học sinh nước ngoài: 4 SV /1 phòng, học viên sau đại học nước ngoài: 2 HV/1 phòng.

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế, gồm có: 1 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 4 sân bóng chuyên, 1 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn, 2 sân tennis, và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 13.496m²; Trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m²; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 1 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 3000 chỗ ngồi.

- Phòng thí nghiệm, thực hành:

Hiện tại trường có 93 phòng thí nghiệm, thực hành, trại và vườn thực nghiệm với tổng diện tích 137.248 m².

Từ năm 2002 đến nay, nhờ các nguồn đầu tư (Dự án Giáo dục đại học, Chương trình mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất các trường học, Chương trình mục tiêu đưa tin học vào nhà trường; Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ,...) nên

cơ sở thực hành thí nghiệm của Trường Đại học Vinh được đầu tư về cả chiều rộng và chiều sâu và bước đầu đã phát huy tác dụng góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo. So với yêu cầu đào tạo của các ngành mới mở (Nông - Lâm - Ngư, Xây dựng dân dụng công nghiệp, Điện tử viễn thông, Hoá công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin...), hệ thống phòng thí nghiệm thực hành và trang thiết bị cần phải được tăng cường thêm theo chuẩn mực giáo dục đại học; hệ thống trại thực hành mới bước đầu triển khai xây dựng và đã từng bước đưa vào sử dụng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu theo quy hoạch.

- Một vài số liệu cụ thể:

+ Tổng giá trị máy móc thiết bị tính đến tháng 12/2007 là 82 tỉ đồng (chưa kể một số lô thiết bị thuộc dự án mức C đang còn tiếp tục giải ngân), trong đó mua từ năm 2001 trở về trước trị giá 7 tỉ đồng, mua từ năm 2002 đến nay trị giá 75 tỉ đồng.

+ Nhà trường hiện có 44 phòng học đa năng để phục vụ cho bài giảng điện tử, 2 phòng Multimedia.

- Đánh giá tình hình sử dụng và bảo quản:

Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm là cơ sở cần thiết phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các khoa thực nghiệm trong Trường. Các thiết bị được tài trợ thông qua các dự án vừa qua đều xuất phát từ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của các tổ bộ môn nên đã được khai thác sử dụng tối đa để phục vụ cho các bài thí nghiệm đào tạo đại học. Hầu hết các máy so màu, quang phổ, thiết bị phân tích môi trường, hệ thống chưng cất, sắc ký... thường xuyên phục vụ đào tạo cao học, một số học viên sau đại học và sinh viên các hệ làm luận văn tốt nghiệp. Ngoài ra các thiết bị hỗ trợ cho giảng dạy như đèn chiếu, máy chiếu đa chức năng, máy chiếu vật thể, kính lúp gắn camera được sử dụng thường xuyên trong các bài thực hành, xemina, báo cáo khoa học, bảo vệ luận văn... Các trang thiết bị đã được đưa vào sử dụng và phát huy có hiệu quả.

PHẦN VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Thông tư Số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 07 năm 2016 về Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

- Quyết định Số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21 tháng 09 năm 2017 về Ban hành Khung chương trình đào tạo các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh.

Chương trình khung trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Trên cơ sở khung chương trình, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được hội đồng khoa học thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%;

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

6.1. Đối với bộ môn quản lý chương trình

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Phối hợp với Phòng đào tạo Sau đại học để hướng dẫn học viên đăng ký các học phần;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần

phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Tổ chức cho học viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học viên viết thu hoạch.

6.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của học viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

6.4. Đối với học viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cán bộ phụ trách ngành để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ;

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá. ✓



P. HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Huy Bằng